

PHẦN HAI:

KHU CHẾ XUẤT: MỘT VÍ DỤ THÀNH CÔNG Ở KAOHSIUNG, ĐÀI LOAN

Bắt đầu nửa thập kỷ 60, ở một vài nước phát triển châu Á đã có xu hướng thành lập cái gọi là Khu Chế Xuất (KCX). KCX đầu tiên của Ấn Độ được khai trương vào tháng ba năm 1965 ở Kandla, khu CX Kaohsiung (KCXK) ở Đài Loan hoàn thành vào tháng Sáu năm 1966, KCX Mariveles ở Philipin năm 1970, KCX Taichung ở Đài Loan năm 1970, Khu xuất khẩu tự do Masan Triều Tiên (Maez năm 1971 và KCX Nantze ở Đài Loan năm 1971) và danh sách các nước khác đang hoạch định xây dựng những khu mới đang kéo dài thêm. Trong chương này, trước khi nghiên cứu về ví dụ thành công của KCX Kaohsiung ở Đài Loan, chúng ta sẽ cố gắng tìm hiểu nguồn gốc KCX.

I. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KHU CHẾ XUẤT

Khu Chế Xuất hay Khu Xuất khẩu tự do hay Khu Miễn thuế có tất cả các đặc tính được thể hiện bằng các tên gọi này. Khu này là một diện tích vây kín, thường ở trong cảng hoặc gần cảng, để nhập các nguyên liệu miễn thuế, trong khu các xí nghiệp được lập ra để chế biến các nguyên liệu này chỉ nhằm vào mục đích xuất khẩu. KCX thường được giới thiệu như có các đặc tính của cả khu thương mại tự do và một tổ hợp công nghiệp và người Đài Loan vẫn khoe khoang là KCX là "một sản phẩm trí tuệ của các nhà kế hoạch kinh tế tự do".

A. MỘT VÀI ĐỊNH NGHĨA

Trước khi bắt đầu thảo luận về KCX, trước hết chúng ta cần định nghĩa một vài thuật ngữ liên quan như tổ hợp công nghiệp, liên hiệp thuế quan, vùng thương mại tự do, khu thương mại tự do, vùng chưa nộp thuế .v.v...

Tổ hợp công nghiệp hay quản công nghiệp hoặc bất động sản công nghiệp là một dải đất được chia cắt và phát triển có hệ thống theo một kế hoạch bao quát để tạo ra một khu vực có dịch vụ cho một cộng đồng có các ngành công nghiệp thích hợp. Tổ hợp công nghiệp tạo ra một môi trường được quản lý cho người sử dụng các phương tiện cần thiết như phố xá và tiện nghi được trang bị và thường còn được các hoạt động thương mại và

dịch vụ hỗ trợ bao gồm trong đó. Hầu hết các tổ hợp được bố trí ở ngoại ô vùng đô thành và từ năm 1946 ở nhiều nước trên thế giới đã thực sự phát triển được nhiều tổ hợp công nghiệp. Vào thập kỷ '70 và '80 những tổ hợp này được nâng lên thành những tổ hợp khoa học và kỹ thuật.

Liên hiệp thuế quan là một nhóm những nước độc lập thảo thuận với nhau hủy bỏ mọi biểu thuế và hàng rào quan thuế giữa các nước thành viên trong nhóm. Liên hiệp này có một hàng rào biểu thuế bên ngoài chúng và được phân bổ số thuế nhập khẩu do các nước thành viên vẫn cho phép lưu thông hàng hóa và dịch vụ giữa họ với nhau, nhưng mỗi nước lại duy trì riêng hàng rào thuế ngoài mức thuế đó, nhóm này được gọi là khu vực thương mại tự do.

Khu thương mại tự do hay khu tự do hoặc cảng tự do có ý nghĩa khác. Khu thương mại tự do là một diện tích trong phạm vi một nước, hàng có thể được phép đưa vào khu; không bị chính quyền hải quan can thiệp. Xuất khẩu và chuyển tải được tạo điều kiện hết sức thuận lợi vì hàng hóa nhập vào khu tự do này không phải trả thuế. Hàng hóa có thể bốc vào đó, xếp lưu kho, kiểm tra, đóng gói lại và lắp ráp mà không bị thuế má hay hải quan kiểm tra. Chỉ khi nào hàng được chuyển tới người tiêu dùng địa phương hay được gửi tới những cảng khác là phải chấp hành theo thuế lệ của cảng đó. Nói cách khác, mục đích chủ yếu của khu tự do là làm cho khu cảng không còn những trở ngại đối với thương mại do thuế má cao và các điều lệ hải quan phức tạp gây ra mà tàu ra vào được quay vòng nhanh hơn. Do đó, dự kiến thương mại sẽ gia tăng dần đến chính quyền cảng thu nhập cao hơn và tạo ra điều kiện tận dụng được phương tiện thêm. Đại diện Hoa Kỳ Emmanuel Celler, người đề xuất luật về Khu Ngoại thương Celler năm 1934 đã định nghĩa về cảng tự do như " khu vực trung lập được rào lại để người vận tải có thể hạ gánh hàng nặng xuống ngơi, lấy lại sức và quyết định việc phải làm sau đó".

Nhà kho chưa nộp thuế hoặc khu chưa nộp thuế là một phương tiện khác tương tự về mục đích của khu tự do. Địa điểm để hàng hóa dự kiến tái xuất có thể nhập vào mà không phải nộp thuế trừ khi được lấy ra cho tiêu thụ ở địa phương. Một dạng khác của hệ thống "hoàn thuế" hay "nhập khẩu tạm thời" trong thuế đã thu được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ khi xuất khẩu hàng.

Cuối cùng, khi hàng sản xuất chưa nộp thuế là một diện tích khép kín để hàng hóa nhập khẩu có thể được xử lý, thay đổi hoặc sản xuất có hoặc không có thêm phần pha trộn

vật liệu hay phụ tùng địa phương thêm.

B. CÀNG TỰ DO VÀ KHU CHẾ XUẤT

Nguồn gốc của cảng tự do có thể đã bắt nguồn từ thời Trung cổ khi khái niệm đầu tiên này, một số thành phố đã cho phép những ưu đãi thương mại cho các thương nhân nước ngoài về một số mặt hàng nhất định, trong từng thời vụ quy định hay từng khu vực địa lý được lựa chọn. Do đó quan niệm về khu thương mại tự do bắt đầu hình thành. Tuy vậy cũng mãi cho đến thời kỳ của chủ nghĩa trọng thương các khu này mới được chính thức lập ra. Cùng với việc phát triển hệ thống thương mại và phong trào chung về cùng cố ngành kinh tế quốc dân sau các bức tường thuế quan cao trong thời kỳ này, tạo ra nguy cơ sụp đổ của toàn bộ ngành ngoại thương nhiều nước đã tìm ra biện pháp cần thiết để tạo ra những phương tiện để ngăn ngừa Để làm việc đó nhiều thành phố hàng hải đã được miễn các quy định chung và được đặt ra ngoài biên giới hải quan của nước đó. Leghorn, Italia được đưa ra làm cảng tự do năm 1547, tiếp đến Gio-noa năm 1595, Naples, Venice, Marseille, Bayonne, Dunkirk, Ancona, Messina, Trieste, Fiume, Gibraltar, v.v...

Trong nửa đầu thế kỷ thứ 19, phong trào cảng tự do bắt đầu giảm đi. Cùng với việc công nghiệp hóa tăng trưởng ở Châu Âu, ngành vận tải bắt đầu mất tính chất quan trọng trong sinh hoạt kinh tế của từng nước, và cùng với phong trào hướng về thống nhất quốc gia ở từng nước chủ yếu, việc tồn tại các khu được ưu đãi này trở nên ngày càng bất tiện cho chính phủ. Các thành phố hàng hải khác trong nước phản đối những ưu đãi không bình đẳng cho khu vực khác, đồng thời chính phủ phạt ý với việc mất mát trong thu nhập không chỉ do miễn thuế, mà còn do buôn lậu từ cảng tự do vào khu vực có áp dụng thuế quan. Do đó các ưu đãi bị rút bớt đi dần dần từ cảng này đến cảng khác, các cảng tự do bị sát nhập vào lãnh thổ có áp dụng thuế hải quan chung.

Tuy nhiên, thế kỷ thứ 20 đã chứng kiến việc hồi sinh của các khu vực tự do này. Việc tăng trưởng thương mại quốc tế, phát triển hàng hải trên quy mô lớn, biên giới được nhân lên nhiều lần, thuế hải quan tăng lên cũng như nhiều nước muốn giành lại một phần chuyền tải hàng, tất cả những việc này đưa đến việc mở rộng nhanh chóng khu vực tự do ở nhiều nước trên thế giới. Ở Hoa Kỳ với việc thông qua Luật Khu Ngoại thương Celler 1934, khu tự do đầu tiên đó thành hình năm 1937 ở Stapleton, Đảo Staten Niu-York được gọi là Khu Ngoại thương Niu-York số 1. Một khu thứ hai được thành lập ở

New-Orleans năm 1946.

Với tất cả các ưu đãi cho phép ở khu thương mại tự do, hoạt động hàng hải tất nhiên là được thu hút vào khu đó ngay cả khi cước phí vận tải cao hơn thông thường vì cơ hội có được hàng nhiều hơn. Khu tự do đó mau chóng trở thành trọng tâm của thương mại quốc tế của một nước và kết quả là điều này khó có một nước nào có chính sách bảo vệ kinh tế có nền kinh tế quan trọng mà không tạo ra hoặc dự tính tạo ra những phương tiện như khu tự do như vậy. Như chúng ta dự tính, việc thành lập khu thương mại tự do không phải không bị những chống đối mạnh mẽ và phê phán kịch liệt. Có những lập luận về việc này là tăng trưởng thương mại không nhất thiết do việc thành lập ra khu này và các khu tự do hiện có đã vượt quá cả khả năng thương mại của thế giới như vậy làm giảm bớt rủi ro đến một trong những lợi ích thiết yếu của khu đó.

Về vấn đề "chế biến" trong khu, chúng ta thấy là cách làm này đã tồn tại từ những ngày đầu của khu thương mại tự do. Mục đích của một nước lập ra khu cảng tự do không luôn luôn giống nhau, do đó chúng ta thấy có mọi số khu cho phép chế biến, một số khác lại không cho phép. Ở cảng tự do Copenhague mở ra từ năm 1894 là một ví dụ các thương nhân có thể thuê địa điểm làm cảng quan, kho tang và cả nhà máy. Cảng tự do Hamburg thành lập năm 1871 là cảng duy nhất trong tất cả các cảng tự do Đức cho phép sản xuất. Tuy nhiên ngay cả trong những khu đó cũng có rất ít nhà máy, lý do là tiền thuê bên trong khu rất cao và cộng thêm vào chi phí sản xuất sẽ cao lên, hơn nữa lợi ích sản xuất trong khu để xuất khẩu không lớn vì ở các nước công nghiệp đứng đầu hầu hết các nguyên liệu thô đều có thể nhập khẩu miễn thuế. Do đó những hoạt động công nghiệp trong khu bị hạn chế chủ yếu vào sửa chữa tàu hoặc đóng tàu mới loại nhỏ.

Một trong những khu đầu tiên được nhấn mạnh vào giá trị tăng thêm đạt được qua chế biến sản phẩm có thể là cảng tự do Colon Panama. Khu này thành lập năm 1950, có một diện tích được bố trí riêng làm khu công nghiệp tự do với một số ngành công nghiệp được lập ra ở khu này. Một điển hình quan trọng khác là trường hợp Hồng Kông. Gần cuối thế kỷ thứ 19 Hồng Kông được lập ra như một trung tâm kho tang hoặc cụ thể hơn là một cảng tự do của Vương quốc Anh ở Viễn Đông. Đảo Hồng Kông không có bất kỳ một nguồn tài nguyên quan trọng nào, thị trường nội địa rất hạn chế. Tuy vậy trong năm gần đây, Hồng Kông đã trở thành trung tâm sản xuất có sản phẩm xuất khẩu ở phạm vi lớn di khắp thế giới. Cuối cùng nhưng chưa phải là hết, một mô hình gần như song song khác là

Singapore được người Anh thành lập từ 1819.

Khu chế xuất hiện đại như vậy có thể được định nghĩa theo hai cách: một là kiểu Colon phạm vi lớn hoặc phạm vi nhỏ như Hồng Kông. Tuy vậy vẫn còn bao gồm nhiều đặc điểm của riêng Khu chế xuất mà chúng ta sẽ xem xét đến trong chương sau.

Một điểm rõ ràng là không một người nào có thể nói và tin được là đã "phát minh" ra KCX.

C. LÝ LUẬN KINH TẾ VỀ KCX

Một số lớn sách báo đã được tập trung vào chủ đề khác như liên hiệp hải quan hay vung thương mại tự do nhưng chưa đề cập nhiều đến KCX. Trong số các nghiên cứu về KCX có Giáo sư Hamada Koichi của Trường Đại học Tôkyô Nhật Bản . Trong một tài liệu không xuất bản mang tên "Phân tích kinh tế về Khu Miền Thuê ở nước đang phát triển", đã viết trong khi nhà học giả đến thăm và giảng ở Khoa Kinh tế (MIT) 1971-1973, ông đã đi đến một số kết luận. Đầu với hai yếu tố tiêu chuẩn, mô hình hai mặt hàng trong thương mại, ông chỉ ra hậu quả kinh tế khi lập ra một khu khác tuy theo tình chất đầu tư của nước ngoài vào khu này, có nghĩa là căn cứ vào việc đầu tư nước ngoài dưới hình thức chuyển nhượng yếu tố sản xuất hay theo hình thức chuyển giao kỹ thuật hoặc là sự kết hợp cả hai hình thức. Kết luận của ông đã được giới thiệu ở bài luận án gốc năm 1973 của tôi nhưng trong nội dung cuốn sách này đã bỏ qua để cho ngắn gọn và đơn giản. Vây chúng tôi cố gắng cung cấp một nền tảng vì mô và điều kiện tiên quyết để tạo ra và làm cho KCX cất cánh được thành công. Bây giờ chúng ta tập trung vào một "mô hình" thành công.

II. NGHIÊN CỨU VỀ KHU CHẾ XUẤT KAOHSIUNG (KCXX) ĐÀI LOAN

Đài Loan hay Cộng Hoà quốc gia Trung Hoa là một hòn đảo ở Đông Nam ngoài lục địa Trung Hoa, ở điểm gần nhất khoảng 90 dặm từ Lục Địa Trung Hoa ngăn cách bằng Eo-Đài Loan. Tổng số diện tích là 13.900 dặm vuông gần hai phần ba là núi non cao dốc chạy từ miền Bắc xuống phía Nam. 14 triệu dân chủ yếu là người Trung Hoa, khoảng 84% người địa phương số còn lại là từ lục địa ra Đài Loan sau 1945.

Nền kinh tế của Đài Loan đã phát triển nhanh trong thập kỷ qua. Giữa 1958 và 1967 tổng sản phẩm quốc dân tăng hơn 9 phần trăm /năm, sự tăng trưởng kinh tế đó đã cai tạo

khu vực công nghiệp đến mức năm 1967 góp một phần lớn hơn cả nông nghiệp vào sản phẩm quốc dân này. Năm nay, tỷ trọng sản xuất trong Tổng sản phẩm quốc dân (TSPQD) tăng lên 20 phần trăm từ mức trước đây là 15 phần trăm năm 1958. Công nghiệp phát triển nhanh trong những năm gần đây gồm có điện tử, dệt kim, gỗ dán, phân bón, hóa chất, xi-măng, thủy tinh, nhựa dẻo, và chế biến thực phẩm. Người ta nhấn mạnh vào phát triển đặc biệt là trong công nghiệp đã tiêu thụ trên 75 phần trăm số năng lượng này. Sản lượng nông nghiệp cũng tăng ở mức hàng năm là 4,5 phần trăm kể từ đầu thập kỷ 1950, không những dù đáp ứng nhu cầu lớn về thực phẩm do dân số tăng nhanh và thu nhập cũng tăng mà còn dư để xuất khẩu.

Dài Loan tương đối nghèo về nguồn tài nguyên khoáng sản và có thị trường nội địa hạn chế, việc phát triển kinh tế của đảo phải dựa vào việc thành lập các công nghiệp xuất khẩu trong phạm vi đáng kể để mở rộng ngoại thương. Xuất khẩu trong hai năm 1965-1966 là 300% hơn mức năm 1952-53. Với sự đa dạng hóa trong xuất khẩu, tỷ trọng xuất khẩu đường và gạo trong tổng số hàng xuất khẩu giảm từ trên 75% xuống dưới 20% trong thời kỳ này. Nhập khẩu tăng gấp ba lần, những hàng công nghiệp tăng lên nhanh hơn các loại hàng khác vì phần lớn việc phát triển nhập khẩu là nhằm đáp ứng với sự tăng trưởng của công nghiệp.

Để thu hút nhà đầu tư nước ngoài, chính phủ đã xem xét lại nhiều lần luật đầu tư để tạo ra một bộ luật thuận lợi nhất thế giới. Cùng với cố gắng này trong công nghiệp xuất khẩu để mở rộng hơn nữa, chính phủ Dài Loan đã tuyên bố "Quy chế về thành lập và quản lý KCX" làm cơ sở pháp lý để thành lập KCX. Hội đồng Hợp tác và Phát triển Kinh tế quốc tế và Bộ Kinh tế được giao quyền tiến hành công việc chuẩn bị để thành lập khu đầu tiên.

A. DIỄN GIẢI CHUNG VỀ KCX

Kaosiung, một trong hai cảng biển quan trọng nhất của Dài Loan được lựa chọn làm địa điểm của KCX đầu tiên. Kaohsiung có vị trí gần mũi phía nam đảo có thể là địa điểm được chọn tốt nhất. Cảng đã bốc xếp trên hai phần ba tổng số hàng nhập khẩu của đảo, sân bay Kaohsiung chỉ cách năm dặm, có một hệ thống đường sắt và đường bộ cao tốc nối liền với các thành phố nội địa và với dân số nội thành khoảng 600.000 người, nguồn lao động dồi dào. Địa điểm được lựa chọn làm KCX Kaohsiung (KCXK) là một

đất đất rộng 170 ha, đất khai hoang từ diện tích càng và vào giữa năm 1965 đã tiến hành xây dựng khu.

Việc gia nhập khu chỉ giới hạn cho các hàng tham gia sản xuất 20 mặt hàng được quy định về công nghiệp nhẹ và sử dụng nhiều nhân lực. Danh sách gồm cả sản phẩm kim loại, máy móc, bàn ghế, hàng thủ công nghiệp đồ dùng điện, sản phẩm cao su, hóa học, mỹ phẩm, sản phẩm dán và dệt, kim hoàn, tóc giả, đồ chơi trẻ em, dụng cụ gia đình bếp nước, giày dép và găng tay. Chi tiết diễn giải các mặt hàng được ghi trong phụ lục A.

Mục tiêu chính của khu là: 1) xúc tiến phát triển công nghiệp xuất khẩu; 2) thu hút đầu tư trong và ngoài nước; 3) tạo điều kiện cho việc làm mới và 4) đưa kỹ thuật sản xuất mới qua đầu tư của nước ngoài vào. Các nhà kế hoạch của khu dự định bố trí 120 nhà máy với tổng số vốn đầu tư là 18 triệu đôla Mỹ, đạt tối giá trị xuất khẩu hàng năm trên 72 triệu đôla Mỹ và sử dụng khoảng 30.000 người khi khu này đi vào hoạt động hoàn toàn sau khi hoàn thành vào tháng 6-1966.

Một trong những đặc điểm của KCX là việc quản lý và giám sát tập trung hóa, mọi vấn đề từ thành lập xí nghiệp mới đến việc xuất khẩu sản phẩm của họ. Cơ quan hành chính KCXK (HCKC CXK) được giao toàn quyền giải quyết mọi vấn đề của các nhà đầu tư công nghiệp như đất đai, lao động, đăng ký, nộp thuế, dụng nhà máy, cung cấp điện nước, thanh toán ngoại hối, kiểm tra của hải quan, và làm thủ tục xuất nhập, cấp giấy phép xuất khẩu quan trọng v.v... Nói cách khác, HCKC CXK đại diện cho chính phủ trong mọi quan hệ với các nhà đầu tư.

HCKC CXK đề ra các khuyến khích hấp dẫn với các nhà đầu tư như:

+ Miễn thuế: Mọi xí nghiệp được miễn thuế nhập khẩu về máy móc, thiết bị, nguyên liệu thô, sản phẩm bán thành phẩm nhập vào để sử dụng, việc mua hàng địa phương được liệt vào nhập khẩu, do đó được giảm thuế hoặc miễn thuế. Thuế hàng hóa được miễn. Thuế thu nhập của xí nghiệp được miễn trong năm năm đối với hầu hết các nhà đầu tư. Chi tiết nghiên cứu về cơ cấu thuế được trình bày ở phần cuối trong chương sau.

+ Hồi hương lợi nhuận và vốn: Mọi khoản lợi nhuận dưới hình thức lãi được chia có thể được hồi hương 100% sau khi nộp thuế. Sau năm thứ hai, vốn có thể được hồi hương ở mức 15% năm.

+ Bảo đảm không bị tịch thu: Những nhà đầu tư hơn 50% số vốn cần thiết cho bất kỳ phương án nào đều được đảm bảo là xí nghiệp của họ không bị tịch thu trong một thời

hạn ít nhất là 20 năm.

+ Quản lý ngoại thương và kinh doanh: Với nhập khẩu yêu cầu ký quỹ ngoại tệ cần thiết có thể thấp đến 15%. Việc sử dụng ngoại tệ tự có được tự do. Chúng ta trả lại vấn đề này ở phần sau của chương này.

+ Đơn giản hóa thủ tục: Đơn xin thường được chấp nhận hoặc từ chối trong phạm vi một tháng. Ở trong khu giấy phép xuất nhập khẩu được cấp trong phạm vi 24 giờ.

+ Lương và công lao động: Nguồn cung cấp lao động không thành vấn đề vì theo dự tính có khoảng 300.000 công nhân thất nghiệp ở Đài Loan, Kaosiung có dân số trên 600.000 người ở nội thành và khoảng 700.000 người ở khu vực xung quanh. Lương hàng tháng rất thấp, 12 đô la Mỹ cho nữ lao động giản đơn, 20 đô la Mỹ cho nam lao động giản đơn, 30 đến 37.50 đô la Mỹ cho phụ nữ lao động có kỹ thuật và từ 37.50 đến 50 đô la Mỹ cho nam lao động có kỹ thuật.

+ Đất và nhà: Người đầu tư có thể thuê đất ở mức rất thấp là 0.02835 đôla Mỹ 1 foot vuông ($0.0929 m^2$) mỗi tháng để xây dựng nhà máy hoặc họ có thể mua lại nhà tiêu chuẩn làm xí nghiệp theo điều kiện 30% trả tiền mặt, còn lại chia thành nhiều phần đều nhau và trả từng qui trong thời hạn là 10 năm. Đối với nhà đầu tư nào muốn xây riêng nhà xưởng của họ, Ngân hàng Đài Loan có thể cho vay đến 70% tổng số chi phí xây dựng đã ký hợp đồng.

+ Tiện nghi công cộng: Đường xá, điện, dịch vụ bưu điện và điện tín, vận tải và lưu kho được cung cấp. Điện cao thế và hạ thế được tính rẻ và dự tính là giá điện ở Hồng Kông còn cao hơn 250% và nước là 240% đất hơn ở trong KCXK.

Sau khi đã có khái niệm chung về khu, chúng ta sẽ nghiên cứu chi tiết hơn các lãnh vực, trước hết là về tổ chức của KCX.

B. QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT CỦA KCXK

Tổ chức hành chính cao nhất của KCXK là cơ quan HCKCCK (Hành chính Khu Chέ Xuất Kaohsiung). Cơ quan này được ủy quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến khu, cụ thể như:

1. Quy tắc hành chính trong kinh doanh chế biến xuất khẩu,
2. Có kế hoạch, xây dựng và quản lý mọi thiết bị và trang bị và tiện nghi trong khu.
3. Quản lý các khoản thu nhập từ tài sản thuộc chính phủ sở hữu.
4. Đăng ký các nhà máy và kinh doanh và phê chuẩn xây dựng và cấp giấy phép liên

5. Kiểm tra các cơ sở, nhà máy và điều kiện làm việc,
6. Kiểm tra sản phẩm và cấp giấy phép hay giấy chứng nhận liên quan.
7. Duyệt các mặt hàng xuất nhập khẩu.
8. Quy định về ngoại hối và thương mại.
9. Biện pháp ngăn ngừa buôn lậu và
10. Cung cấp các dịch vụ cho công nghiệp trong khu.

Đứng đầu KCXK là giám đốc và phó giám đốc và biện chế 5 vụ và 6 cơ quan. Các dịch vụ hỗ trợ gồm: một trung tâm kho hàng và vận tải, trạm công an, trung tâm y tế và trung tâm cung cấp thực phẩm. Sơ đồ tổ chức của HCKCXXK ở hình 1.

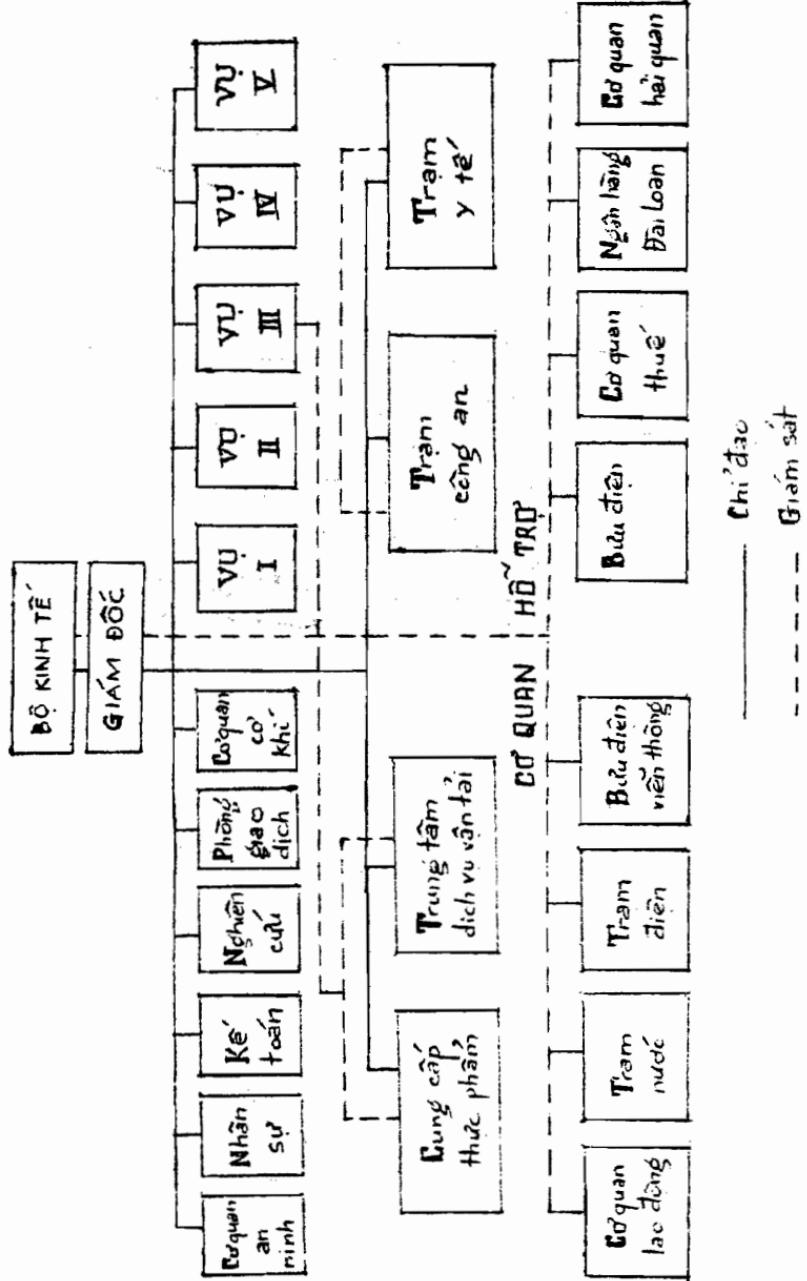
Chức năng của sáu cơ quan đó là:

- Cơ quan liên lạc công cộng có trách nhiệm tiếp tân và quảng cáo.
- Cơ quan nhân sự về quản lý nhân sự.
- Cơ quan tài vụ về kế toán và tài chính.
- Cơ quan an ninh về duy trì bảo vệ.
- Cơ quan nghiên cứu có chức năng nghiên cứu và triển khai.
- Cơ quan kỹ thuật để kiểm tra phương tiện nhà máy, giám sát các phương án cở khi và xây dựng.

Chức năng của năm vụ như sau:

Vụ thứ nhất: các vấn đề liên quan:

- Xem xét đơn xin thành lập các xí nghiệp xuất khẩu và các dự án dầu tư đã được bố xung thay đổi.
- Trả lời và phối hợp các thủ tục cho các xí nghiệp xuất khẩu lập ở trong khu.
- Quyết định vấn đề vốn có thể cho hồi hương.
- Cấp giấy chứng nhận đã kiểm tra sản phẩm và chứng thư nguồn gốc.
- Xử lý các mặt hàng lắc hậu và làm phế liệu.
- Chứng nhận những việc miễn thuế thu nhập trong kinh doanh.
- Hỗ trợ, xem xét và chấp nhận các yêu cầu của các nhà kinh doanh sản xuất xin đi ra nước ngoài và thuê người nước ngoài.
- Cấp giấy phép xuất khẩu và nhập khẩu cho các hàng điện tử và hàng viễn thông.



Hình 1. Sơ đồ tổ chức KCXK.

Vụ thứ hai: Các vấn đề liên quan:

- Xem xét và cấp giấy phép cho xuất và nhập cảng như thanh toán bằng trao đổi.
- Xem xét việc thu và chi ngoại tệ.
- Xúc tiến và phát triển ngoại thương.
- Thống kê nhập và xuất khẩu.
- Quản lý linh tinh về ngoại thương.

Vụ thứ ba: Các vấn đề liên quan:

- Quản lý lợi nhuận từ tài sản công cộng.
- Các công trình xây dựng và xử lý nhà xưởng tiêu chuẩn.
- Các công trình xây dựng và bảo dưỡng hạ tầng cơ sở.
- Thành lập và kiểm tra các nhà máy.
- Đăng ký các kinh doanh hướng về xuất khẩu và cấp giấy chứng nhận.
- Quản lý xây dựng trong khu và cấp giấy chứng nhận về xây dựng.

Vụ thứ tư: Các vấn đề có liên quan:

- Kiểm soát cổng cho nhân viên, xe ô tô và cung cấp hàng ngày vào khu.
- Hoạch định và kiểm tra vệ sinh môi trường.
- Biện pháp an ninh và an toàn chống tai nạn.
- Hành chính nội bộ và công tác văn thư.

Vụ thứ năm: Các vấn đề liên quan

- Tổ chức lao động và quản lý hành chính lao động.
- Kiểm tra điều kiện lao động.
- Thực hiện việc giáo dục lao động.
- Giúp đỡ các xí nghiệp trong tổ chức phúc lợi cho người làm thuê.
- Kết phối hợp và giải quyết các tranh chấp giữa lao động và quản lý.

Tất cả những đơn vị liên quan này đang làm việc theo hướng dẫn được đề ra bằng các quy định chung và riêng có hiệu lực trong khu. Quy tắc chung là những quy định áp dụng chung với các xí nghiệp địa phương, như "Luật khuyến khích đầu tư", "Luật về đầu tư của

Hoa kiều và người nước ngoài", "Luật Công ty", "Luật Xí nghiệp", v.v...Những quy tắc cụ thể là những quy định chỉ có giá trị với khu, cụ thể như:

1. **Loại và thứ tự ưu đãi của các xí nghiệp xuất khẩu được chấp nhận vào thành lập trong KCX (Xem phụ lục A).**
2. **Tiêu chuẩn để phân bổ đất đai của KCXK (Xem phụ lục B).**
3. **Quy tắc về cho thuê đất và bán nhà xưởng tiêu chuẩn của KCXK (Xem phụ lục C).**
4. **Quy tắc về việc thu chi phí hạ tầng cơ sở của KCXK (Xem phụ lục D).**
5. **Quy tắc về việc xử lý các hạng mục lỗi thời và phê duyệt của các xí nghiệp Xuất khẩu trong KCX (Xem phụ lục E).**
6. **Biện pháp liên quan đến các Xí nghiệp trong KCX về thu đất, mua nhà xưởng tiêu chuẩn và ký quỹ Dam bảo vệ Hoạt động (Xem phụ lục F).**
7. **Biện pháp về trưng dụng và bán các nhà thuộc tư nhân trong KCX (Xem phụ lục G).**

C. THU NHẬN VÀO KHU

Một trong số nhiệm vụ quan trọng ảnh hưởng nhiều tới thành công của KCXK là lựa chọn xí nghiệp vào khu. Để nhằm mục đích xem xét, một Ủy ban gồm những ủy viên do Bộ Kinh tế chỉ định. Chủ tịch Ủy ban là Giám đốc KCXK và những ủy viên được chọn một người từ mỗi tổ chức sau: Ủy hội Hoa kiều Vụ, Hội đồng Phát triển và Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Trung tâm đầu tư và phát triển Công nghiệp, Các Tài Kiến thiêt hịnh lè Đài Loan, Vụ Phát triển công nghiệp, Cơ quan Kỹ thuật khai khoang mỏ và công nghiệp của Bộ Kinh tế, Vụ Ngoại thương và Ngân hàng trung ương. Các chuyên gia hoặc chính quyền liên quan có thể được mời tham gia để xem xét nếu cần thiết. Các xí nghiệp được chấp nhận vào trong khu giới hạn vào những xí nghiệp phù hợp với điều kiện được quy định trong điều 4 của Quy chế Thành lập và Quản lý KCX và trong số hai mươi mặt hàng của các xí nghiệp xuất khẩu nêu trên đây. Ngoài ra còn phải xem xét đến các tiêu chuẩn sau đây:

- a. **Những công nghiệp mới chưa được thành lập hoặc không có nền móng tốt ở trong nước.**
- b. **Chưa có đặc hiệu nào về sự bao hòa đối với sản phẩm đã được hoạch định trước và sẽ phái bán ra thị trường quốc tế.**

- c. Các chuyên gia hay kỹ thuật viên trong nước được khuyến khích phát triển.
- d. Phí giao thông phải tối thiểu bằng 20% giá FOB của thành phẩm.
- e. Sử dụng tối thiểu 300 công nhân trên một hecta sàn nhà xưởng.
- f. Vốn đầu tư tối thiểu 2.000.000 NT (khoảng 50.000 đô la Mỹ) phải được cung cấp và người đầu tư phải có một bản khai tài chính rõ ràng ($1\text{NT} = 0,025$ đô la Mỹ).

Căn cứ vào những tiêu chuẩn này đơn xin để lập xí nghiệp xuất khẩu sẽ được xem xét và Ủy ban có quyết định. Giám đốc KCXK đồng thời cũng là Chủ tịch Ủy ban có thẩm quyền phê chuẩn quyết định để thi hành.

Người đầu tư muốn thành lập xí nghiệp xuất khẩu trong khu phải đi qua những bước sau:

1. Nộp đơn xin đầu tư và Dự án đến Vụ thứ nhất của cơ quan hành chính khu để xử lý.
- 2- Đồng thời phải trả một khoản kí quỹ tương đương với 5% giá nhà xưởng tiêu chuẩn nếu muốn mua ngôi nhà đó, hoặc tương đương với tiền thuê đất nếu muốn xây nhà xưởng theo thiết kế riêng của mình.
- 3- Đơn xin đầu tư và Dự án sẽ được Ủy ban Nghiên cứu Đầu tư xem xét và có quyết định trong phạm vi một tháng. Nếu đơn xin bị từ chối tiền kí quỹ sẽ được hoàn lại không có lãi, nếu doanh nghiệp chấp nhận khoản kí quỹ này trở thành khoản đảm bảo cho hoạt động và người đầu tư có thể tiến hành các việc sau:

a. Gửi vốn đầu tư qua ngân hàng được chỉ định.

b. Xin đăng ký với Vụ thứ ba của HCKCXK về đăng ký công ty.

c. Nếu dự kiến xây dựng nhà xưởng theo thiết kế riêng phải nộp sơ đồ với Vụ thứ ba của HCKCXK để xin phân phối đất đai.

d. Nếu dự tính mua nhà xưởng tiêu chuẩn, sẽ phải trả 10% giá tiền mua nhà trong phạm vi một tháng sau khi đơn xin đầu tư được phê chuẩn, và trả 20% giá tiền mua nhà khi ký hợp đồng mua nhà và khi nhà được sẵn sàng để dọn đến. Phải nộp một số đồ bối trí cho Vụ thứ ba để phân phối diện tích nhà xưởng tiêu chuẩn.

e. Xin "Giấy chứng nhận cho phép bắt đầu sản xuất", khi nhà xưởng đã sẵn sàng, máy móc được đưa vào và lắp ráp, nhân viên và thợ đã thuê vào làm việc. Hai bản sơ đồ bối trí xí nghiệp phải được nộp cho Vụ thứ ba để yêu cầu kiểm tra trước khi đi vào sản xuất, và

nếu thấy được thỏa mãn,"Giấy chứng nhận cho phép bắt đầu sản xuất" sẽ được HCKCXK cấp cho xí nghiệp xuất khẩu.

f. Sau khi đã được phép bắt đầu sản xuất,xí nghiệp xuất khẩu phải xin với Vụ thứ ba để "Đăng ký Xí nghiệp xuất khẩu sản xuất hay kinh doanh kiếm lợi nhuận".

D. THUẾ VÀ PHÍ

Trước khi thỏa thuận hệ thống trong khu,chúng ta cần xem qua cơ cấu thuế được áp dụng cho các xí nghiệp bên ngoài khu ra sao. Chính phủ Cộng hoà Trung-Hoa xếp loại mọi xí nghiệp kinh doanh thành hai nhóm: xí nghiệp sản xuất và xí nghiệp kinh doanh tìm lợi nhuận,và đề ra hai loại khuyến khích với hai nhóm này.

"Xí nghiệp sản xuất" chỉ bất kỳ xí nghiệp nào thuộc vào mươi bốn loại sau đây sản xuất ra hàng hóa và/hoặc có dịch vụ và được tổ chức như là một công ty hữu hạn có cổ phần phù hợp với luật pháp.

- | | |
|------------------|--------------------------------|
| 1.Sản xuất | 8.Vận tải |
| 2.Thủ công | 9.Lưu kho hàng |
| 3.Khai khoáng mỏ | 10.Tiện nghi công cộng |
| 4.Nông nghiệp | 11.Xây dựng nhà ở công cộng |
| 5.Lâm nghiệp | 12.Dịch vụ kỹ thuật |
| 6.Ngư nghiệp | 13.Khách sạn du lịch quốc tế |
| 7.Chăn nuôi | 14.Sản xuất máy móc hạng nặng. |

"Xí nghiệp kinh doanh tìm lợi nhuận" được định nghĩa như "bất kỳ tổ chức liên doanh hoặc tư nhân hay do công cộng khai thác,có tên hàng kinh doanh hoặc địa điểm tham gia trong công nghiệp,thương mại,nông nghiệp,lâm nghiệp,ngư nghiệp, trồng cỏ nuôi súc vật,khai khoáng mỏ,luyện kim và các ngành kiếm lợi nhuận khác được tổ chức theo hình thức sở hữu cá nhân,góp cổ phần,công ty hoặc bất kỳ hình thức công ty nào". Nói cách khác là những công ty tìm lợi nhuận không thuộc vào một trong mươi bốn loại xí nghiệp sản xuất nói đến trên đây. Chi tiết về những khuyến khích được quy định cho hai nhóm xí nghiệp này được giới thiệu ở Phụ lục H.

Đối với các xí nghiệp trong KCXK,ngoài việc được miễn thuế nhập khẩu các máy móc thiết bị,sản phẩm bán thành phẩm và nguyên liệu thô,các xí nghiệp xuất khẩu này có

thể được hưởng tất cả các khuyến khích động viên nói trên tuỳ theo xí nghiệp đó thuộc vào nhóm nào. Nói chung thuế và thuế phụ áp dụng với các xí nghiệp xuất khẩu như sau:

1. Thuế doanh thu:

Những xí nghiệp xuất khẩu phù hợp với Tiêu chuẩn được khuyến khích và thuộc vào một trong mươi bốn loại xí nghiệp đủ tiêu chuẩn để khuyến khích như đã nói trên có thể xin được hưởng các ưu đãi dành cho xí nghiệp sản xuất. Một vài ưu đãi này, ví dụ như miễn thuế doanh thu trong năm năm, và mươi phần trăm giảm với thuế doanh thu phải nộp vào năm thứ sáu v.v. Do được xếp vào loại một trong danh sách là Sản xuất, và được định nghĩa như "bất kỳ hoạt động nào gia công hoặc chế biến sản phẩm bằng máy và bằng lao động", hầu hết các xí nghiệp xuất khẩu trong khu đều thuộc vào loại này.

Đối với những xí nghiệp không phù hợp với Tiêu chuẩn được khuyến khích và không thuộc vào các loại trên đây, thuế doanh thu tối đa với xí nghiệp kiếm lợi nhuận, bao gồm cả các loại thuế phụ sẽ không quá 18% tổng số doanh thu của họ.

2. Thuế tem đánh vào các thứ sau:

- Sổ ghi vốn đầu tư .
- Hợp đồng vay vốn, cầm cố, hoặc cam kết và xác nhận nợ và giấy ghi nợ .
- Hợp đồng chiết khấu, hợp đồng chấp nhận, giấy cam kết trả nợ ngân phiếu hay hối phiếu .
- Hợp đồng giao hàng sau hay dịch vụ .
- Hóa đơn được cấp để thanh toán .

3. Thuê nhà: Nhà xí nghiệp, nếu người đầu tư sở hữu và trực tiếp sử dụng vào mục đích sản xuất sẽ được đánh thuế ở mức 1.5% giá trị được đánh giá, phụ thuế quốc phòng được tính thêm.

4. Thuế chuyển nhượng:

- Để mua nhà xưởng mới, thuế chuyển nhượng được miễn.
- Để chuyển nhượng nhà xưởng đã dùng rồi: đánh thuế 3.75% giá trị nhà do người mua phải chịu.

5. Thuế biển số xe, thuế giáo dục v.v.

Ngoài những thuế nói trên, các xí nghiệp xuất khẩu còn phải trả một vài loại thuế như đã quy định ở Điều 11 của Quy chế Thành lập và Quản lý KCX và Điều 16 của Quy tắc ban hành luật đó. Những phí này bao gồm các chi phí trong đó ví dụ:

- a. Phát triển tiệu nghi công cộng và các cơ sở thiết bị: 3051NT mỗi ping (1 ping = 36 feet vuông) mỗi năm phải nộp hàng quý trong mười năm đầu.
- b. Bảo dưỡng phương tiện công cộng và cơ sở thiết bị, bảo dưỡng vệ sinh môi trường và phương tiện an toàn công cộng: 0,10NT trên 1,00 đô la Mỹ sản phẩm xuất khẩu.

E. QUY TẮC NGOẠI HỐI VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Ngoại hối và dịch vụ ngân hàng trong KCXK phải chấp hành các quy tắc sau:

1. Quy chế Thành lập và Quản lý KCX ban hành ngày 30-1-1965 .
2. Quy tắc quản lý ngoại hối và thương mại trong KCX. Sắc lệnh Chấp hành Yuan ngày 20-7-1965 .
- 3 a. Quy tắc quy định về xin Giấy phép xuất khẩu và nộp ngoại tệ trong KCX .
- b. Quy tắc về xin giấy phép xuất khẩu và thanh toán ngoại hối trong nhập khẩu trong KCX .
- c. Quy tắc về xin thanh toán ký ngân ra nước ngoài ở KCX .

Trong KCXK ngoại hối và ngoại thương vẫn còn do chính phủ quản lý trong chừng mức giới hạn.Giao dịch bằng ngoại hối phải được thanh toán tại chi nhánh ngân hàng ngoại hối được phép ở trong khu.Nói cách khác,tiền ngoại tệ thu từ xuất khẩu phải được bán cho ngân hàng được chỉ định.Ngân hàng được chỉ định sẽ cấp tiền nước ngoài bằng đô la mới của Đài-loan với giá trị tương đương để nhập khẩu thiết bị,sản phẩm bán thành phẩm và nguyên liệu thô.Những quy tắc này tương tự với quy định được áp dụng ở ngoại khu,nhưng khác nhau ở chỗ mức kiểm soát quản lý và yêu cầu về thủ tục ở trong khu được dễ dàng hơn.Ví dụ,quản lý sẽ dễ dàng hơn với ngoại tệ tự có.Bất kỳ nhà đầu tư nào muốn nhập khẩu nguyên liệu thô bằng ngoại tệ tự có để chế biến và tái xuất có thể tiến hành theo một trong ba cách sau:

1. Thành phẩm có thể xuất khẩu mà không phải thanh toán ngoại tệ,mặc dù số ngoại tệ thu được do chế biến đã được bán cho ngân hàng được chỉ định .
2. Nếu ngoại tệ thu được từ xuất khẩu hàng thành phẩm bán cho ngân hàng được chỉ định,số ngoại tệ do nhà sản xuất tự tạo có thể hồi hương .
3. Số ngoại tệ tự có được dùng để nhập nguyên liệu thô để chế biến và tái xuất khẩu có thể gửi vào ngân hàng được chỉ định và sử dụng trên cơ sở tiếp tục như trên.

Những hoạt động của ngân hàng trong KCXK được tiến hành theo Điều 3 của Quy tắc về Ngoại tệ và Thương mại trong KCXK quy định về kinh doanh ngân hàng trong khu do ngân hàng được Ngân hàng Trung tâm Trung Hoa chỉ định để tiến hành giao dịch về ngoại tệ. Hoạt động của Ngân hàng Đài-Loan trong KCXK có thể được diễn giải như sau:

Chi nhánh Ngân hàng Đài-Loan tại khu KCXK được thành lập nhằm mục đích giúp cho KCXK phát triển và đáp ứng các yêu cầu về tài chính của xí nghiệp xuất khẩu. Phạm vi kinh doanh và thủ tục quản lý không theo đúng như mô hình giao dịch ngân hàng thông thường. Ngoài những hoạt động như gửi tiền, cho vay, chuyển tiền, tín dụng và đại lý ngân khố quốc gia, ngân hàng còn đảm nhiệm cho vay vốn xây dựng xí nghiệp, cấp vốn đầu tư ngắn hạn cho các xí nghiệp trong KCXK .v.v.Thủ tục để tiến hành được dễ dàng hơn nhiều và mất ít thời gian. Vốn cho vay xây dựng được trả cho người vay theo tiến độ thi công và điều kiện hoàn vốn thường được lâu dài hơn. Đầu tư ngắn hạn bằng hình thức tín dụng ngân hàng được thực hiện qua thủ tục đơn giản như vậy không cần phải thương lượng mất nhiều thời gian thường đòi hỏi. Việc này có thể xảy ra thực tế là do ngân hàng trong khu quen biết với tình hình tài chính và khả năng thu hoạch của từng cá nhân xí nghiệp trong khu qua điều tra tín dụng. Ngân hàng có thể xác định dễ dàng số lượng tín dụng được bảo đảm. Hình thức hoạt động tín dụng này khó có thể tiến hành ở bên ngoài khu. Bảng sau đây cho thấy tình hình kinh doanh của Ngân hàng Đài-Loan, Chi nhánh ở KCXK năm 1970

Số tiền gửi và cho vay:

Số tiền gửi NTS 4.442.187.226,54

Số cho vay NTS 702.985.234,49

Ký ngân nội địa

Đến NTS 186.863.124,92

Di NTS 146.973.213,19

Ký ngân nước ngoài

Đến US\$ 18.012.910,00

Di US\$ 8.848.758,00

Xuất khẩu US\$ 171.737.758,00

Nhập khẩu

Thanh toán US\$ 43.728.278,00

F. QUẢN LÝ LAO ĐỘNG

Quá trình phát triển KCXK có thể diễn giải thành ba giai đoạn. Đầu tiên trong thời kỳ thi công, người ta chú ý tập trung vào cải thiện không khí đầu tư để thu hút người đầu tư. Ở giai đoạn hai, hay trong thời kỳ ba năm tiếp theo sau khi hoàn thành xây dựng khu, nhiệm vụ chính là hướng dẫn các xí nghiệp gia tăng sản suất và mở rộng xuất khẩu sản phẩm của họ. Trong giai đoạn ba, bắt đầu vào năm thứ tư, được tập trung nhấn mạnh sức tiến phuc lợi và bảo vệ quyền hạn và lợi ích của công nhân.

Tháng 7-1970, Vụ thứ năm được tổ chức thêm vào HCKCXK để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến lao động, cụ thể là phúc lợi của lao động, giáo dục lao động, công đoàn và quan hệ giữa quản lý lao động và công đoàn. Thành tựu của Vụ này có thể được dẫn ra như sau:

1- Phúc lợi lao động: Chiều theo luật lao động, mỗi xí nghiệp phải lập ra quỹ phúc lợi của công nhân và thành lập Ủy ban Phúc lợi Công nhân để cung cấp các tiện nghi phúc lợi cho công nhân của họ. Vào đầu năm 1972, trong số 153 xí nghiệp trong khu, 88 xí nghiệp đã có ủy ban phúc lợi công nhân có trên 34.000 công nhân và nhân viên được hưởng. Một kế hoạch được tiến hành để tổ chức một Ủy ban hỗn hợp Phúc lợi Công nhân của các xí nghiệp trong khu để cùng cố nỗ lực thống nhất, tiện nghi phúc lợi chung như nhà ăn, phòng thư viện, bể bơi.v.v..cho công nhân. Ngoài ra, tất cả công nhân trong khu còn được bảo hiểm đầy đủ. Khu còn có một bệnh viện và hai nhà nghỉ ngơi cho công nhân nữa.

2. Giáo dục lao động: Cố gắng của HCKCXK trong vấn đề này như sau:

- Tổ chức Ủy ban Xúc tiến Giáo dục ở mỗi nhà máy để lập quỹ giáo dục công nhân của họ.
- Bên soạn và phổ biến tài liệu giáo dục để các xí nghiệp sử dụng trong giáo dục công nhân của họ.
- Thực hiện một chương trình giáo dục kết hợp giữa nhà trường và xí nghiệp để tổ chức những lớp học nghề có chương trình ba năm hay lớp học thường xuyên của

công nhân.

d. Tiến hành tổ chức lớp đào tạo kỹ thuật và ngoại ngữ vào giờ trưa.

e. Hoạch định lập ra trung tâm thao diễn giáo dục công nhân.

3. Công đoàn: Luật công đoàn của Đài Loan quy định rằng công đoàn công nghiệp hay thù công nghiệp phải được tổ chức ở một hoặc trong cùng một diện tích, hoặc ở một và trong cùng một nhà máy, số công nhân trên 20 tuổi ở trong một và trong cùng một ngành công nghiệp là trên 50 người, hoặc khi ở một và trong cùng một diện tích, số công nhân ở trong một và cùng ngành thù công là trên 30 người. Vào đầu năm 1972 có 58 xí nghiệp trong khu đã tổ chức công đoàn của họ với tổng số đoàn viên khoảng 27.000 người.

4. Quan hệ giữa quản lý và lao động: Mỗi quan hệ giữa quản lý và lao động được tiến hành hoà thuận. Trong năm đầu hoạt động Vụ thứ năm giải quyết thành công tất cả 69 vụ tranh chấp xảy ra trong khu. Vào cuối năm 1971 có 10 nhà máy đã ký hợp đồng tập thể với công đoàn và 10 nhà máy khác đã tổ chức hội đồng nhà máy. Trong lĩnh vực này đang có nhiều cố gắng để đạt được thành tích cao hơn nữa.

G. THÀNH TỰU CỦA KCXK

Khu chế xuất Kaohsiung do Bộ Kinh tế khởi xưởng từ tháng 3-1965. Đến tháng 7-1965, khu này bắt đầu nhận đơn xin vào khu và tháng 6-1966 khu này được hoàn thành. Vào cuối năm 1966, số xí nghiệp vào khu đạt tới mức bão hòa và thành tích của khu được diễn giải là đã vượt quá mức tiên đoán lạc quan của các nhà kinh tế đã hoạch định ra khu. Ví dụ, Chính quyền hy vọng tổng số vốn đầu tư là 18 triệu đô la Mỹ được đầu tư vào khu Kaohsiung nhưng thay vào đó là họ đã có trên 45 triệu đô la Mỹ (1971). Mọi lô trong khu đều được bán hết và thêm vào đó dự tính có 120 nhà máy khu này đã phải mở rộng để bố trí được trên 160 nhà máy.

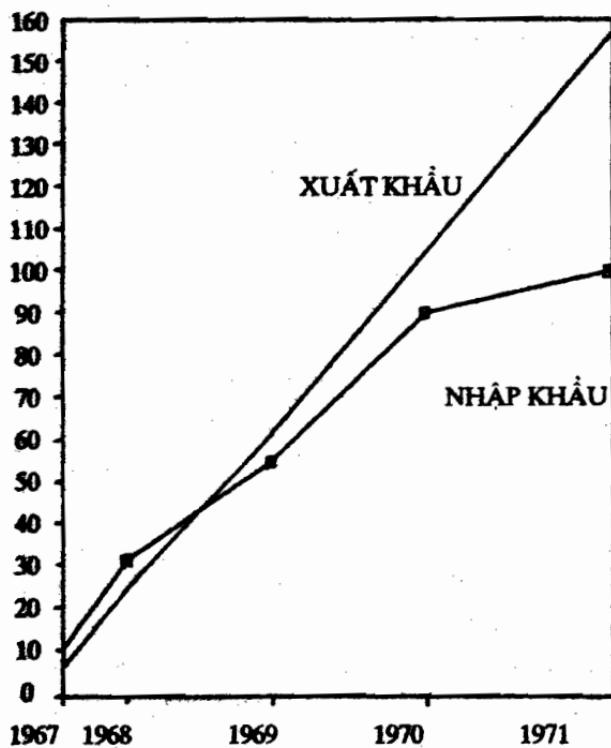
Khu này xuất khẩu sản phẩm tới 28 nước trên thế giới. Dựng đầu danh sách là Mỹ chiếm 60 phần trăm tổng số xuất khẩu, Hồng Kông có 9,24 phần trăm, Nhật Bản có 7,98 phần trăm và Canada được 2,77 phần trăm. Ngoài số nhập khẩu từ nội địa, khu CX còn nhận được 49,04 phần trăm tổng số thu nhập từ Nhật Bản; 15,75 phần trăm từ Hồng Kông; 6,59 phần trăm từ Mỹ và số còn lại từ một ít nước khác.

Để có khái niệm về thành tựu của KCXK, chúng ta hãy nhìn vào số liệu sau và các

bảng sau đây đã được biên soạn từ nhiều tài liệu do KCXK và Bộ Kinh tế Đài Loan xuất bản:

Hình 2: Tổng số xuất nhập của KCXK (1967-1971)

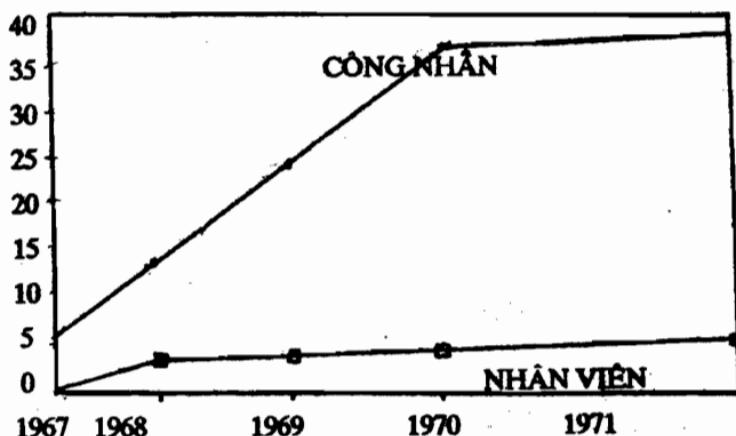
Triệu US \$



Năm	Nhập khẩu US\$	Xuất khẩu US\$
1967	11.596.128,84	7.970.128,09
1968	29.597.438,40	26.684.581,26
1969	54.380.438,40	62.181.020,64
1970	87.915.997,73	109.388.377,43
1971	98.668.759,35	156.418.793,31

Hình 3: Tổng số nhân sự KCXK (1967-1971)

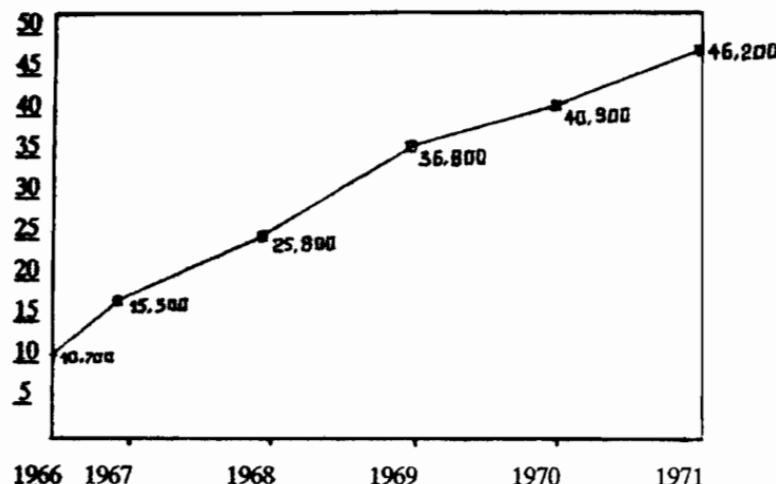
Ngàn người



Năm	Nhân viên	Công nhân	Tổng số
1967	61	5.625	5.686
1968	2.058	14.947	17.005
1969	3.131	25.672	28.803
1970	3.976	36.846	40.822
1971	4.481	38.362	42.843

Hình 4: Tổng số đầu tư ở KCXK (1966-1971)

US \$ (x1000)



Hình 5: Phân bổ ngoại tệ thu nhập ở KCXK 1970

100%

Linh tinh (9.18%)	90.92
Dịch vụ ngân hàng và lãi xuất (4.55%)	86.37
Thuế và phí (5.93%)	
Tiền nghỉ công cộng (6.34%)	b80.44
Thuế vận tải (7.10%)	74.10
Mua nguyên liệu thô địa phương (22.80%)	67.00
Lương và công (44.20%)	44.20

	US\$ 31.500.575.-

Bảng 4: Nguồn đầu tư ở KCXK trong năm 1971

	USS
Dầu tư trong nước	6.420.650
Dầu tư của Hoa Kiều ở nước ngoài	6.322.275
Dầu tư của nước ngoài	25.293.239
Hợp doanh	8.149.175
<hr/>	
Tổng cộng:	46.185.339

Bảng 5: Danh sách một số xí nghiệp xuất khẩu quan trọng
trong KCXK năm 1971

A. Đầu tư nước ngoài:

- Điện tử Transworld
- Sumetics Ltd
- Cts công nghiệp, Đài loan
- Electronic Building Elements Industries Co.Ltd
- Bracor International Ltd
- Taiwan Mitsumi Co.Ltd
- Shirasuna Electric Mg. Co.Đài loan
- Đại dương công nghệ Co.Ltd
- Hóa chất Yasukawa Đài loan
- Công ty Điện Funai Đài loan
- Công nghiệp xuất khẩu Matsumoto
- Công ty Điện Maya Đài loan
- Công ty Dệt Sankyo Đài loan
- Công ty quần áo National MFg

B. Hợp doanh

- Popular Industries Ltdb
- Allied Textile Corporation
- Hing Lee Knitwear Ltd

- Lucky Plastic actory Taiwan Ltd
- Taiwan Toyo Radio Co. Ltd
- Taiwan Sansho Co.Ltd
- Chumny Electronics Corp.
- Minatosya Glove Co.Ltd

C. Đầu tư của Hoa kiều nước ngoài và trong nước:

- Hong Kong Teakwood Works Taiwan
- General Garmeat Mfg. Taiwan
- James S.Lee and Co.Taiwan
- Tachco Taiwan Ltd
- Yung Zeng Industrial Co.Taiwan
- The Simplex Industrial Co.Taiwan
- Yung Chin Industrial Corp.
- Kong-Luan Plastic Manufacturer Co.Ltd
- Tree Hawks Enterprise Co.Ltd

Tài liệu tham khảo:

- 1- "KCX biến cát thành vàng". Free China News Syndicate. 12-65.
- 2- "Cảng tự do", Encyclopedia Americana (1972) Tập 12- trang 43-44
- 3- "Cảng tự do và khu tự do", Bách Khoa toàn thư Khoa học xã hội (1963) Tập VI trang 436-438.
- 4- "Cảng tự do", Encyclopedia Britanica (1966), Tập IX trang 436-438
- 5- Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa kỲ, A.I.D. Sách dữ kiện kinh tế về Đông Á, trang 143.
- 6- C.O.Kuo "Quản lý và Quy tắc liên quan KCX" của HCKCXXK-1971
- 7- Bộ Kinh tế, C.H. Trung hoa "Sổ tay hướng dẫn người đầu tư", 1-9-1971, trang 7-8
- 8- Hội đồng Hợp tác và phát triển kinh tế quốc tế C.H. Trung hoa "Quy chế khuyến khích đầu tư", 4-1971, trang 3.
- 9- Oliver H.M.Gi, "Quy chế liên quan đến ngoại hối và dịch vụ ngân hàng trong KCX", do HCKCXXK, 1971.
- 10- Tracy T.S.Cheag, "Quản lý Lao động ở C.H. Trung hoa" KCXK, 1971, trang 5-8.